

Số: 02/TTr-VTVcab

Hà Nội, ngày 4 tháng 6 năm 2019

**TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Luật Chứng khoán 2010;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam được thông qua ngày 02/06/2018.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt nam xin kính trình Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Chi tiết Quy chế theo bản Dự thảo đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

DỰ THẢO



**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thực hiện từ ngày ... tháng ... năm 2019

Hà nội, ngày tháng năm 2019

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Căn cứ pháp lý	2
Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Áp dụng văn bản	3
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT	3
Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của HĐQT	3
Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	3
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	3
Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động	3
CHƯƠNG III. QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT	4
Điều 9. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	4
Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	4
Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên HĐQT	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT	6
Điều 13. Thành viên HĐQT thay thế	6
Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm	6
Điều 15. Thành viên chuyên trách	6
Điều 16. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	6
Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên HĐQT	7
Điều 18. Bộ máy giúp việc của HĐQT	7
CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HĐQT	8
Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của HĐQT	8
Điều 20. Các cuộc họp HĐQT	8
Điều 21. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	8
Điều 22. Điều kiện làm việc của HĐQT	9
Điều 23. Thù lao và chi phí hoạt động	9
CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HĐQT	10
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	10
Điều 25. Mối quan hệ giữa HĐQT với Ban Điều hành	10
Điều 26. Mối quan hệ giữa HĐQT với Ban Kiểm soát	11
Điều 27. Mối quan hệ giữa HĐQT với các cổ đông	12
CHƯƠNG VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	12
Điều 28. Hiệu lực và sử đổi, bổ sung	12

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-HĐQT ngày / /2018)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ pháp lý

Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Quyết định số 811/QĐ-THVN ngày 18/6/2018 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam thành Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua ngày 02/06/2018;

Nghị quyết số 01/NQ-VTVcab ngày 02/6/2018 của Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các quy định tại Quy chế này.

Quy chế này nhằm cụ thể hoá quyền, trách nhiệm, chế độ công tác, quy trình làm việc và các mối quan hệ công tác của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị phải tuân thủ Quy chế này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Hội đồng quản trị” là tên gọi tắt của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng công ty truyền hình cáp Việt Nam;

- “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Tổng công ty cũng có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp quy chế này không quy định thì các quy định có liên quan của pháp luật và quy định tại Điều lệ Tổng Công ty được áp dụng.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Tổng công ty và quy định mới của pháp luật.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

Điều 6. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

- Tuân thủ Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.
- Có sức khỏe, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số quá bán (trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp có quyền biểu quyết hoặc trên 50% số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết phân đôi và tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành sẽ cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với hoạt động và sự phát triển của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị đồng ý cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền lại những công việc đã được Hội đồng quản trị ủy quyền.

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động

Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên, gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Việc phân công nhiệm vụ và điều chuyển nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị phụ thuộc vào tình hình thực tế và hoạt động kinh doanh của Tổng

công ty trong từng thời kỳ, do Hội đồng quản trị quyết định.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Tổng công ty. Mọi hoạt động của Tổng công ty phải chịu sự chỉ đạo, quản lý, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị. Bên cạnh các quyền và nghĩa vụ quy định theo pháp luật, Điều lệ và các quy định khác trong Quy chế này, Hội đồng quản trị còn có các nghĩa vụ sau:

1. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Tổng công ty phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông.

2. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.

3. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Các quyết định đình chỉ của Hội đồng quản trị được thể hiện bằng Biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị, có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Chịu trách nhiệm chung mọi công việc của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng cổ đông về các quyết định của mình trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền

- Là người lập chương trình, kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Hội đồng quản trị;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung và là chủ tọa các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

- Chủ trì cuộc họp phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc chức năng quản trị Tổng công ty; theo dõi, đôn đốc các thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, xác nhận với Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá định kỳ hàng năm. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản được Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký.

- Trực tiếp chỉ đạo một số công việc cụ thể theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

- Có quyền ủy quyền lại cho Ban Điều hành và Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc những công việc đã được Hội đồng quản trị ủy quyền.

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Khoản 2 Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 11. Quyền hạn và trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quyết định phân công của Hội đồng quản trị.

- Bầu, biểu quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ.

- Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, trừ trường hợp không được biểu quyết theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến biểu quyết của mình. Trong trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng quản trị phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu từ các cán bộ, nhân viên về các hoạt động của Tổng

công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị cũng có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chấp thuận.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và bất kỳ cán bộ quản lý các đơn vị trong Tổng công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

Cán bộ quản lý phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

- Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

- Khi số lượng thành viên hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên được quy định tại Điều lệ Tổng công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập hội Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung.

Điều 14. Thành viên kiêm nhiệm

Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý Tổng công ty trừ các trường hợp được quy định trong Điều lệ Tổng công ty và theo quy định của pháp luật..

Điều 15. Thành viên chuyên trách

Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1 thành viên chuyên trách để quản lý các hoạt động của Tổng công ty, đề xuất chiến lược phát triển Tổng công ty.

Điều 16. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các tiêu chuẩn tại Điều 28 Điều lệ Tổng công ty và các nội dung cụ thể sau:

- Không đủ sức khoẻ để đảm nhiệm nhiệm vụ được giao.
- Vi phạm pháp luật, bị kết tội và truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Tổng công ty.
- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Tổng công ty.

- Vi phạm các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo pháp luật, Điều lệ Tổng công ty hoặc Quy chế này mà theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng quản trị là nghiêm trọng.

- Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

- Các trường hợp khác được quy định tại Khoản 4 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị

- Mất năng lực hành vi dân sự, chết.

- Không đủ tiêu chuẩn theo Điều 28 Điều lệ Tổng công ty.

- Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.- Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

- Bị trục xuất khỏi nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Tổng công ty bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Thư ký Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có thể giao nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị cho một hoặc một số cá nhân/ bộ phận chức năng phù hợp với lĩnh vực nghiệp vụ. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Hội đồng quản trị được quy định như sau:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp.

- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- Các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao

- Chức danh Thư ký Hội đồng quản trị có thể được thay đổi tên gọi cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể và do Hội đồng quản trị quyết định.

- Số lượng Thư ký Hội đồng quản trị, chi phí hoạt động, tiền lương và tiền thưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Các chi phí này hạch toán vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty.

- Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm các chức danh trợ lý, cố vấn cao cấp cho Chủ tịch.

2. Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tổ giúp việc để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình khi thấy cần thiết. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và cơ chế hoạt động của các Tổ giúp việc do Hội đồng quản trị quy định cụ thể trong các Quyết định thành lập.

3. Ngoài bộ máy giúp việc tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, các phòng/ ban/ trung tâm thuộc Tổng công ty thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc Hội đồng quản trị sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp (nếu thấy cần thiết) để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT, TỔ CHỨC CUỘC HỌP, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên của Hội đồng quản trị

Thông qua các thành viên chuyên trách đã được Hội đồng quản trị uỷ quyền, Hội đồng quản trị sẽ thường xuyên kiểm tra giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để kịp thời đưa ra các quyết định mà Hội đồng quản trị cho rằng Quyết định đó tuân thủ theo đúng qui định của Pháp luật và đảm bảo lợi ích cho Tổng công ty.

Điều 20. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động.

2. Biên bản họp hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ Văn phòng Tổng công ty.

Điều 21. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên ngoài các nội dung theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổng công ty, phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị,

thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.

Điều 22. Điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sử dụng phương tiện và bộ máy quản lý Tổng công ty để thực hiện công việc hàng ngày theo chức năng nhiệm vụ được quy định.

2. Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm nhận và chuyển tất cả các tài liệu đến và đi của Hội đồng quản trị. Những văn bản thuộc trách nhiệm Hội đồng quản trị phải được gửi đến Hội đồng quản trị kịp thời. Văn bản có tính chất điều hành thì gửi thẳng cho Tổng Giám đốc và sao gửi cho Hội đồng quản trị để theo dõi. Sao gửi cho Hội đồng quản trị những tài liệu liên quan đến quản lý nhà nước, các quyết định điều hành của Tổng Giám đốc và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm của Tổng Công ty cũng như các đơn vị thuộc Tổng công ty.

3. Khi thấy cần thiết, thành viên Hội đồng quản trị có quyền trực tiếp làm việc với các phòng ban của Tổng công ty để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phân công hoặc chuẩn bị ý kiến cho cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi làm việc, các thành viên của Hội đồng quản trị có thể chất vấn, trao đổi, nhưng không được vi phạm chức năng điều hành của Tổng Giám đốc và phải thông báo trước với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Mọi vấn đề thuộc trách nhiệm điều hành của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị phải trực tiếp trao đổi với Tổng Giám đốc để có biện pháp giải quyết kịp thời.

4. Các phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trong Tổng Công ty có trách nhiệm cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của các thành viên của Hội đồng quản trị và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu đã cung cấp.

Điều 23. Thù lao và chi phí hoạt động

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được chỉ định thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác (nếu có) được hưởng từ Tổng công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Tổng Công ty và các Tổng Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc hoặc thực hiện

những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có).

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc mà các thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Điều hành

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu Ban Điều hành, phê duyệt đề xuất của Tổng Giám đốc về việc phân công nhiệm vụ đối với các chức danh trong Ban Điều hành trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.

3. Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc chịu sự kiểm tra và giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội

đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trường hợp khi thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phát hiện các vấn đề không có lợi ích cho Tổng công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị để điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền báo lưu ý kiến và kiến nghị bằng văn bản lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết, Quyết định về đề án theo quy định của Điều lệ Tổng công ty thì Tổng Giám đốc được ký các đề án theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và triển khai thực hiện theo quy định phân cấp.

5. Ngoài các công việc phải phải trình Hội đồng quản trị thì Ban Điều hành dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc đã được Hội đồng quản trị ban hành. Các quyết định vượt quá thẩm quyền cho phép trong trường hợp khẩn cấp (Nguy cơ chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố...), thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay với Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

6. Tổng Giám đốc phải báo cáo bằng văn bản định kỳ hàng tháng, hàng quý về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ và phương hướng trong thời gian tới của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị.

7. Hàng quý, hàng năm Hội đồng quản trị tổ chức họp với Ban Điều hành để rà soát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên trong kỳ, trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp hàng tháng để chỉ đạo trực tiếp các công việc cần thiết.

8. Các cuộc họp do cấp trên hoặc các cơ quan liên quan mời (trừ mời đích danh) thì tùy tính chất của cuộc họp để phân công cụ thể.

a) Các cuộc họp quan trọng có liên quan đến đổi mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý các vấn đề vướng mắc lớn của Tổng công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo nội dung cuộc họp cho nhau.

b) Những cuộc họp liên quan đến chủ trương, chính sách có tính chất điều hành thì Tổng Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu Tổng Giám đốc không tham dự được thì thành viên Hội đồng quản trị tham dự, sau đó thông báo lại cho Tổng Giám đốc.

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề

ngợi Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Hàng quý, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tổ chức họp chung để trao đổi, thảo luận các vấn đề của Tổng công ty thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.

5. Ban Kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của từng thành viên và báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.

Điều 27. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các cổ đông

1. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành phải thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ liên quan đến các cổ đông.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cần xử lý kịp thời và minh bạch các kiến nghị của cổ đông, cần giải thích rõ ràng, giải quyết triệt để các ý kiến, khiếu nại của cổ đông nhằm duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội đồng quản trị và các cổ đông của Tổng công ty.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN


Điều 28. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế này gồm 06 Chương, 28 Điều, có hiệu lực kể từ ngày .../.../2019.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị và Người có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hoàng Ngọc Huân